

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2023/DS-ST
Ngày: 24-11-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Minh Chiến;
- Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 102/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1812/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1892/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thái Hoàng N, sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số 211 V, khu vực P, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số 151 V, khu vực P, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Số 211 V, khu vực P, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Anh Nguyễn Đình S, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 151 V, khu vực P, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Thái Hoàng N trình bày:

Ngày 19/6/2020 (âm lịch) vợ chồng anh cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thúy O, anh Nguyễn Đình S vay 624.000.000 đồng. Khi vay các bên không lập văn bản, chị O hứa đến ngày 19/6/2021 (âm lịch) sẽ trả toàn bộ số tiền vay gốc cho anh. Đến ngày 19/6/2021 (âm lịch) chị O không trả tiền cho vợ chồng anh nên chị O có viết “Giấy mượn tiền” để xác nhận số nợ đã vay vào ngày 19/6/2020 (âm lịch). Chữ viết và chữ ký trong “Giấy mượn tiền” là của chị O. Riêng chữ ký “Nguyễn Đình Sơn” anh không chắc chắn là chữ ký của anh S vì anh S không ký trước mặt anh.

Các bên không thỏa thuận về việc tính lãi. Theo nội dung “Giấy mượn tiền”, thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 19/01/2023 đến hết năm 2026. Sau khi vay, đến nay vợ chồng chị O, anh S không trả tiền cho vợ chồng anh. Anh yêu cầu vợ chồng chị O, anh S phải trả một lần toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 624.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh N yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày xét xử (ngày 24/11/2023) với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Vợ anh tên Bùi Thị Thịnh. Vợ chồng anh kết hôn năm 2018. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng anh.

Theo các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy O trình bày:

Trước đây chị và vợ chồng anh Thái Hoàng N và chị Bùi Thị T có quan hệ vay tài sản. Chị vay tiền của vợ chồng anh N và chị T để cho người khác vay lại kiếm lời. Sau nhiều lần vay tiền và trả tiền, năm 2022 chị trực tiếp viết “Giấy mượn tiền” để chốt nợ với nội dung ngày 19/6/2020 (âm lịch) vợ chồng chị (Nguyễn Thị Thúy Oanh – Nguyễn Đình Sơn) vay vợ chồng anh N và chị T tổng số tiền 624.000.000 đồng và cam kết đến ngày 19/6/2021 chị trả đủ tiền. Tuy nhiên đến ngày 19/6/2021 chị vẫn không có khả năng trả đủ tiền nên chị tiếp tục cam kết sẽ trả nợ trong vòng 03 năm từ năm 2023 đến năm 2026.

Tại mục “Người mượn” chị ký tên chị và giả chữ ký của chồng chị, thực tế chồng chị không ký tên vào “Giấy mượn tiền”. Hiện nay chị và anh S vẫn ở chung một nhà nhưng việc chị vay tiền thì anh S không biết.

Trước khi chốt số tiền gốc 624.000.000 đồng thì chị đã nhiều lần trả nợ cho anh N nhưng số tiền trả nợ cụ thể chị không nhớ. Chị tự theo dõi trong sổ của chị nhưng anh N không ký tên xác nhận các lần trả nợ. Chị yêu cầu một mình chị tự trả nợ số tiền 624.000.000 đồng vì chồng chị không biết chị vay tiền. Vì điều kiện

kinh tế khó khăn nên chị chỉ có khả năng trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin khoản tiền lãi chậm trả.

Theo các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị T trình bày:

Chị là vợ của anh Thái Hoàng N. Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của anh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Thái Hoàng N. Xác định chị O còn nợ vợ chồng anh Thái Hoàng N, chị Bùi Thị T số tiền 624.000.000 đồng. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy O phải trả cho vợ chồng anh Thái Hoàng N, chị Bùi Thị T toàn bộ số tiền 624.000.000 đồng và tính lãi chậm trả từ ngày 24/11/2023 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Bác yêu cầu xin trả dần của chị Nguyễn Thị Thúy O. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Thái Hoàng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Thị Thúy O có địa chỉ tại số 151 V, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[3] Anh Nguyễn Đình S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 và Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Dựa trên sự thừa nhận của các đương sự và các chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ngày 19/6/2020 (âm lịch) vợ chồng anh N chỉ T cho chị O vay 624.000.000 đồng. Khi vay các bên không lập văn bản, chị O hứa đến ngày 19/6/2021 (âm lịch) sẽ trả toàn bộ số tiền vay gốc cho vợ chồng anh N, chị T. Đến ngày 19/6/2021 (âm lịch) chị O không trả tiền nên có viết “Giấy mượn tiền” để xác nhận số tiền đã vay vào ngày 19/6/2020 (âm lịch).

[5] Chị O cho rằng chị tự giả chữ ký của anh S và anh S không biết việc chị vay tiền nên chị tự trả toàn bộ số tiền còn nợ, anh S không có nghĩa vụ liên đới cùng chị trả nợ. Xét thấy, chị O thừa nhận chị O tự giả chữ ký của anh S. Anh N và chị T cũng không chứng kiến anh S trực tiếp ký tên vào “Giấy mượn tiền”. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định anh S tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản với vợ chồng anh N, chị T. Anh N yêu cầu vợ chồng chị O, anh S phải liên đới trả số tiền vay còn nợ là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 117 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định chị O có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền vay còn nợ cho vợ chồng anh N, chị T.

[6] Theo nội dung “Giấy mượn tiền” thì các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 19/6/2021 (âm lịch) nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng vay tài sản giữa anh N và chị O là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Anh N yêu cầu vợ chồng chị O phải trả toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ nhưng chị O không đồng ý mà xin trả dần. Theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Chị O vay tiền của anh N nhưng không trả đủ tiền khi đến hạn nên anh N yêu cầu chị O phải trả đủ số tiền 624.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, anh N có quyền yêu cầu chị O phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả kể từ ngày đến hạn. Tại phiên tòa, anh N yêu cầu chị O phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả kể từ ngày 24/11/2023 là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức lãi suất chậm trả, theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chị O phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức

lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời điểm tính lãi từ ngày 24/11/2023.

[8] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị O phải chịu 28.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của anh N được Tòa án chấp nhận.

[9] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 96, Điều 97, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 117, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Thái Hoàng N.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy O phải trả cho vợ chồng anh Thái Hoàng N, chị Bùi Thị T số tiền vay gốc còn nợ là 624.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi bốn triệu đồng). Kể từ ngày 24/11/2023, chị Nguyễn Thị Thúy O phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Bác yêu cầu của anh Thái Hoàng N về việc yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Thúy O, anh Nguyễn Đình S phải liên đới trả nợ.

4. Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy O về việc xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng và yêu cầu không tính lãi.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thúy O phải chịu 28.960.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Thái Hoàng N 14.480.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001948 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- CC THADS thị xã A;
- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh